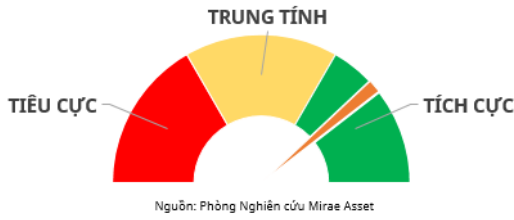


04 Tháng 08, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Không thể cản bước

Mặc dù, VN-Index rung lắc và giằng co mạnh đầu phiên, nhưng xu hướng tăng điểm tiếp tục được duy trì. Lực cầu phục hồi mạnh về cuối phiên, giúp VN-Index thoát khỏi sắc đỏ và quay đầu chuyển sang sắc xanh khi kết thúc. Đóng cửa, VN-Index tăng hơn 4 điểm, tương ứng với 0,35% và dừng chân tại mốc 1,254 điểm. Thanh khoản tiếp tục giảm nhẹ ở mức 7,3% và chỉ đạt hơn 655 triệu đơn vị khớp lệnh, tương ứng giá trị hơn 15,123 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng phân hóa rõ nét khi VCB (+3,8%), TPB (+2,7%) và VPB (+1,4%) tăng điểm tốt, nhưng ở chiều giảm lại là STB (-1%), CTG (-0,9%) và VIB (-0,4%). Nhóm dầu khí cũng có một phiên giao dịch kém khả quan khi PVS (2,9%), GAS (-2,7%), PVD (-2,5%); BSR (-1,6%). Đối lập, nhóm Công nghệ thông tin có phần ấn tượng hơn khi ICT (+2,9%); CMG (+2,8%) và FPT (+1,5%).

Giao dịch của khối ngoại được đánh giá là khá cân bằng khi tổng giá trị mua ròng dừng ở 42 tỷ đồng trên HNX và HSX. Trong đó, VHM được mua ròng nhiều nhất với 185 tỷ đồng, và HPG xếp thứ 2 với 91,5 tỷ đồng. Còn ở chiều bán, hai mã MSN và KBC bị bán mạnh nhất với giá trị lần lượt 72 tỷ và 36 tỷ đồng.

Với việc thanh khoản tiếp tục giảm, mặc dù đà tăng của VN-Index vẫn được duy trì tốt khiến cho điểm số đánh giá sức mạnh kỹ thuật của VN-Index tiếp tục giữ nguyên tại mức +5 điểm KHẢ QUAN. Hệ số P/E VN-Index hiện tại ở mức 13,4x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,254.15	0.4	4.9	-6.0
HNX	297.73	-0.1	5.9	-7.0
UPCOM	90.86	0.6	3.4	3.8
MSCI EM	985.81	0.2	-0.7	-24.4
NIKKEI	27,932.20	0.7	6.8	1.3
HANG SENG	20,174.04	2.1	-7.6	-23.7
KOSPI	2,473.11	0.5	7.5	-24.6
FTSE	7,433.44	-0.2	2.8	4.3
S&P 500	4,155.17	1.6	8.6	-5.6
NASDAQ	12,668.16	2.6	13.8	-14.3

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.4	2.1	15.5
Indonesia	15.5	2.2	13.2
Philippines	18.5	1.6	9.0
Malaysia	16.3	1.5	9.1
Thailand	17.0	1.6	9.2

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.1	2	65	206
10 năm	3.6	7	32	144

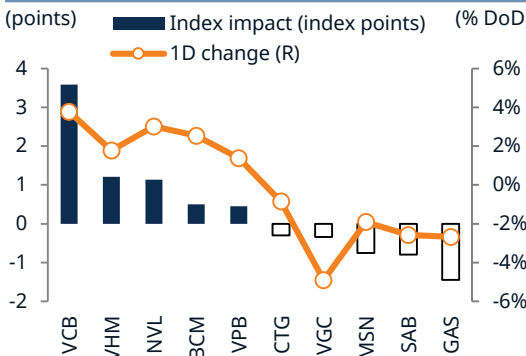
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,408	-0.1	-0.4	-2.0
US\$/KRW	1,310.2	0.0	-1.0	-12.7
US\$/JPY	134.3	-0.3	1.0	-18.5
US\$/EUR	1.0	-0.1	2.4	16.3
US\$/GBP	0.8	0.0	-0.4	14.3
US\$/SGD	1.4	0.1	1.1	-2.1

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	648	465	901
HNX	72	52	117
UPCOM	32	29	70

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (04/08/2022)	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.170

VN-index đang giằng co tại vùng giá cao nhất trong 1 tháng của mình

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

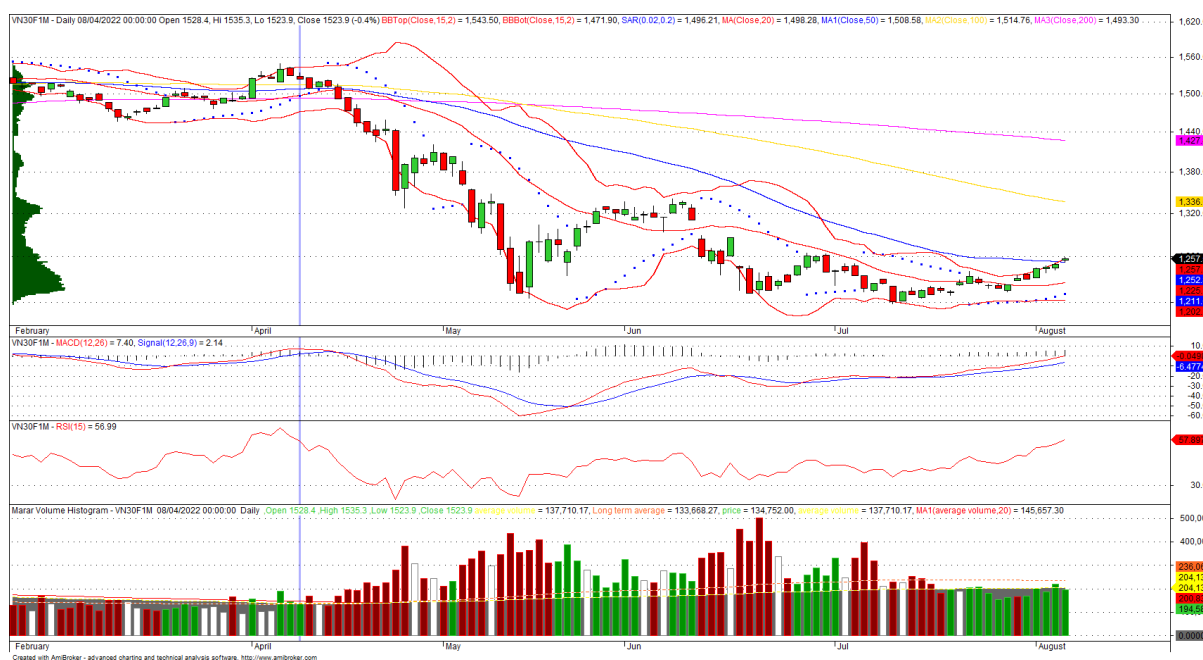
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (04/08/2022)	1.257	Kháng cự 1	1.220
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.260
VN30 - đóng cửa	1.277	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-20.2	Hỗ trợ 2	1.180

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

Khoảng cách điểm số giữa VN30F1M với VN30 tiếp tục được duy trì ở mức hơn 20 điểm và hiện tại chỉ số phải sinh đang ở quanh vùng giá cao nhất trong 1 tháng của mình.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
SAB	Sản xuất bia	189,900	125,285	100	7	SAB
SHS	Chứng khoán	14,300	12,303,45	98	5	SHS
IJC	Bất động sản	20,750	1,237,525	90	5	IJC
SSI	Chứng khoán	23,550	21,049,30	89	4	SSI
MBS	Chứng khoán	23,600	1,599,865	81	4	MBS

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
REE	80	971,545	6	KHẢ QUAN	28,432	12.1	2.0	78
VPI	65.5	1,081,545	6	KHẢ QUAN	14,410	24.2	4.4	71
PNJ	116	532,725	6	KHẢ QUAN	28,115	21.9	3.4	62
VND	21.2	22,910,890	5	KHẢ QUAN	25,818	6.1	1.8	486
HAG	12.35	21,646,396	5	KHẢ QUAN	11,453	16.2	2.6	267
MBB	26.9	7,266,095	5	KHẢ QUAN	101,826	6.5	1.5	195
SHS	14.3	12,303,455	5	KHẢ QUAN	6,621	9.4	1.3	176
IDC	64.4	2,431,925	5	KHẢ QUAN	21,252	32.4	5.1	157
HSG	19.9	7,674,025	5	KHẢ QUAN	9,918	4.7	0.8	153
VHM	63	2,354,495	5	KHẢ QUAN	274,325	9.8	2.3	148
PVS	24.3	6,047,125	5	KHẢ QUAN	11,280	21.2	0.9	147
NVL	76.2	1,663,055	5	KHẢ QUAN	153,062	47.5	4.1	127
LPB	16.05	7,493,205	5	KHẢ QUAN	24,133	5.0	1.0	120
CII	21.1	4,918,700	5	KHẢ QUAN	5,246	16.6	1.0	104
VCB	82.5	1,038,390	5	KHẢ QUAN	390,433	#N/A N/A	#N/A N/A	86
BID	39.3	1,880,475	5	KHẢ QUAN	198,800	15.3	2.2	74
ITA	8.22	7,862,270	5	KHẢ QUAN	7,525	23.5	0.7	65
VJC	129.2	481,360	5	KHẢ QUAN	69,976	185.9	4.0	62
SCR	12.15	5,017,030	5	KHẢ QUAN	4,415	33.6	0.9	61
CTD	63.7	847,335	5	KHẢ QUAN	4,705	#N/A N/A	0.6	54
TNG	28.2	1,875,925	5	KHẢ QUAN	2,783	9.6	1.9	53
DPG	48	931,300	5	KHẢ QUAN	3,024	8.2	2.0	45
DGW	62.9	547,180	5	KHẢ QUAN	10,257	14.0	4.8	34
HHV	15.4	2,184,345	5	KHẢ QUAN	4,118	14.0	0.6	34
KDH	38.95	854,170	5	KHẢ QUAN	27,956	22.2	2.6	33
GEG	22.35	1,312,210	5	KHẢ QUAN	7,067	22.6	2.0	29
HPG	23.65	24,476,836	4	KHẢ QUAN	137,520	5.0	1.4	579
SSI	23.55	21,049,300	4	KHẢ QUAN	35,093	8.7	1.6	496
NKG	20.7	9,613,115	4	KHẢ QUAN	5,450	2.9	0.9	199

DPM	47.5	2,885,425	4	KHẢ QUAN	18,588	3.7	1.5	137
DCM	32.4	3,789,665	4	KHẢ QUAN	17,153	4.6	1.7	123
PVD	17.8	4,844,535	4	KHẢ QUAN	8,768	#N/A N/A	0.6	86
HAH	69.2	1,212,360	4	KHẢ QUAN	4,726	7.5	2.5	84
HDC	47.6	1,614,060	4	KHẢ QUAN	5,145	14.9	3.2	77
PDR	53.8	1,343,560	4	KHẢ QUAN	36,269	17.3	4.7	72
LCG	12.6	4,763,430	4	KHẢ QUAN	2,172	11.6	0.9	60
PC1	38.65	1,361,345	4	KHẢ QUAN	9,089	18.6	1.9	53
IDI	19.8	2,488,265	4	KHẢ QUAN	4,507	8.7	1.3	49
HQC	5.27	9,316,430	4	KHẢ QUAN	2,488	306.5	0.6	49
LDG	10.4	3,679,990	4	KHẢ QUAN	2,490	17.5	0.8	38
PHR	69	548,940	4	KHẢ QUAN	9,349	14.1	2.8	38
MBS	23.6	1,599,865	4	KHẢ QUAN	6,315	9.4	1.7	38
PVT	20.45	1,729,190	4	KHẢ QUAN	6,619	10.2	1.2	35
FLC	5.88	5,301,215	4	KHẢ QUAN	4,175	#N/A N/A	0.5	31
TCM	45.1	636,105	4	KHẢ QUAN	3,696	29.1	2.0	29
DIG	39.65	9,452,465	3	TRUNG TÍNH	24,181	22.5	3.2	375
VPB	29.4	10,135,350	3	TRUNG TÍNH	130,697	7.8	1.4	298
HCM	27.45	7,763,950	3	TRUNG TÍNH	12,550	10.9	1.6	213
FPT	86.1	1,553,985	3	TRUNG TÍNH	94,454	19.1	4.8	134
VIX	12	6,774,710	3	TRUNG TÍNH	6,590	5.8	1.1	81
HDG	53	1,402,915	3	TRUNG TÍNH	12,524	9.0	2.6	74
ANV	46.15	1,191,255	3	TRUNG TÍNH	5,867	12.0	2.1	55
KSB	28.6	1,433,575	3	TRUNG TÍNH	2,182	11.2	1.1	41
HDB	24.9	1,489,895	3	TRUNG TÍNH	50,104	7.2	1.5	37
FTS	34.7	1,064,030	3	TRUNG TÍNH	6,657	8.6	2.1	37
STB	25.2	15,450,140	2	TRUNG TÍNH	47,507	13.2	1.3	389
DXG	26.7	10,000,910	2	TRUNG TÍNH	16,221	21.8	1.7	267
BSR	24.7	10,230,310	2	TRUNG TÍNH	75,342	11.5	2.0	253
CEO	32.8	6,499,235	2	TRUNG TÍNH	8,441	33.8	2.8	213
VCI	43.6	4,781,610	2	TRUNG TÍNH	14,606	9.6	2.0	208
TCB	38.15	4,242,635	2	TRUNG TÍNH	134,819	6.7	1.3	162
POW	13.6	10,448,170	2	TRUNG TÍNH	31,849	20.2	1.1	142
CTG	28.85	4,433,430	2	TRUNG TÍNH	138,646	9.4	1.4	128
HBC	21.2	5,711,225	2	TRUNG TÍNH	5,208	52.0	1.4	121
VNM	73.3	1,616,375	2	TRUNG TÍNH	153,194	18.1	4.5	118
FRT	74.2	1,374,185	2	TRUNG TÍNH	8,791	14.8	4.8	102
VCG	23.35	3,960,140	2	TRUNG TÍNH	11,297	10.2	1.5	92
KDC	68.8	1,231,190	2	TRUNG TÍNH	17,236	30.7	2.6	85
VIC	66.4	1,200,500	2	TRUNG TÍNH	253,245	#N/A N/A	2.4	80
MSN	107.9	720,130	2	TRUNG TÍNH	153,620	15.0	5.3	78
BCG	16.15	4,557,565	2	TRUNG TÍNH	8,128	8.5	1.1	74
NLG	41.25	1,769,960	2	TRUNG TÍNH	15,796	20.2	1.8	73
BVH	58.4	1,230,660	2	TRUNG TÍNH	43,352	24.5	2.0	72
GAS	109	653,530	2	TRUNG TÍNH	208,621	16.2	3.5	71
ACB	25	2,680,480	2	TRUNG TÍNH	84,436	7.2	1.6	67
VGC	58.1	1,125,020	2	TRUNG TÍNH	26,049	13.4	3.4	65
AAA	12.55	4,976,330	2	TRUNG TÍNH	4,798	13.6	0.8	62

GMD	51.6	1,094,890	2	TRUNG TÍNH	15,551	19.1	2.3	56
FCN	16.1	2,985,860	2	TRUNG TÍNH	2,535	82.5	1.0	48
ASM	15.9	2,860,410	2	TRUNG TÍNH	5,351	6.4	1.0	45
VRE	29	1,559,030	2	TRUNG TÍNH	65,897	50.8	2.1	45
GVR	24.6	1,755,220	2	TRUNG TÍNH	98,400	20.9	2.0	43
PAN	23.85	1,428,215	2	TRUNG TÍNH	4,982	12.8	1.2	34
SBT	18.85	1,724,755	2	TRUNG TÍNH	11,859	13.6	1.4	33
MIG	23.85	1,213,290	2	TRUNG TÍNH	3,922	20.1	1.9	29
GEX	23.85	8,603,800	1	TRUNG TÍNH	19,755	27.3	1.6	205
TCH	12.4	4,453,030	1	TRUNG TÍNH	8,319	18.5	0.9	55
KBC	38.6	5,421,290	0	TRUNG TÍNH	29,015	11.6	1.7	209
SHB	15.2	12,812,930	0	TRUNG TÍNH	40,536	5.6	1.0	195
MWG	61.8	2,951,025	0	TRUNG TÍNH	91,775	18.7	4.1	182
HNG	6.86	15,149,225	0	TRUNG TÍNH	7,605	#N/A N/A	2.7	104
VHC	82.9	905,445	0	TRUNG TÍNH	15,202	7.4	2.1	75
TPB	28	1,746,010	0	TRUNG TÍNH	45,555	8.2	1.6	49
NT2	26.25	1,308,715	0	TRUNG TÍNH	7,557	8.4	1.7	34
VOS	17.55	1,675,175	0	TRUNG TÍNH	2,457	4.2	1.9	29
DGC	90.8	2,335,945	-2	TRUNG TÍNH	33,709	7.3	3.7	212
HUT	29.6	3,921,455	-2	TRUNG TÍNH	10,320	39.2	2.6	116
VIB	26.1	2,059,520	-2	TRUNG TÍNH	55,010	7.7	1.9	54
SZC	51.8	898,690	-2	TRUNG TÍNH	5,180	18.8	3.7	47
DBC	25.5	5,756,685	-4	TIÊU CỰC	6,449	23.6	1.4	147

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Xuất khẩu gạo tăng kỷ lục

Bảy tháng đầu năm, Việt Nam xuất khẩu gần 4,2 triệu tấn gạo, tăng hơn 20% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó thị trường Mỹ tăng mạnh nhất với hơn 65%. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, mặc dù xuất khẩu gạo cạnh tranh khá gay gắt, sản phẩm của Việt Nam vẫn ngày càng được ưa chuộng trên thị trường thế giới. Bảy tháng qua, xuất khẩu gạo đạt 4,19 triệu tấn, tương đương giá trị hơn 2 tỷ USD, tăng 20,5% về lượng và 9% giá trị so với cùng kỳ 2021. Đây là mức xuất khẩu cao kỷ lục từ trước đến nay. Trong nhóm các thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam thì Mỹ là quốc gia có mức tăng mạnh nhất, tăng 65,3% trong nửa đầu năm. Tiếp đến là Philippines - thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 44,5% thị phần - nhập khẩu tăng 48,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Nửa đầu năm, giá gạo xuất khẩu trên thế giới bình quân đạt 489 USD một tấn, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm 2021. Gạo 5% tấm của Việt Nam ở mức 415-420 USD một tấn. Các nhà xuất khẩu đã giảm bớt thu mua lúa của nông dân, chờ thu hoạch cao điểm và đợi tín hiệu mua từ các thị trường lớn như Philippin, Trung Quốc.

SSB: báo lãi bán niên tăng 80%, nợ xấu cải thiện

SeABank ([HoSE: SSB](#)) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý II với thu nhập lãi thuần ở mức 1.727 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2021. Hoạt động dịch vụ báo lãi gần 490 tỷ đồng, tăng 41,5%. Hoạt động ngoại hối lãi 106,1 tỷ đồng, tăng 6,8 lần so với cùng kỳ. Hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh lãi 63,1 tỷ đồng, trong khi quý II/2021 lỗ 17,5 tỷ đồng. Hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư lãi hơn 280 tỷ đồng, tăng 7,3 lần. Riêng chỉ có hoạt động khác báo lãi giảm 34% xuống còn 32 tỷ đồng. Trong quý II, chi phí hoạt động ở mức 868 tỷ đồng, tăng 36%. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 29% lên 338,5 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận trước thuế quý II đạt gần 1.500 tỷ đồng, tăng 75% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng, ngân hàng báo lãi bán niên trước thuế 2.806 tỷ đồng, tăng 80%, tương đương với việc hoàn thành 57,6% kế hoạch năm. Thu nhập lãi thuần đạt gần 3.300 tỷ đồng, tăng 35,5%, hoạt động dịch vụ lãi 763,8 tỷ đồng, tăng 63%. Hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư lãi 560 tỷ đồng, tăng 4,3 lần so với 6 tháng đầu năm 2021. Mạng mua bán chứng khoán kinh doanh lãi hơn 208 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ 24 tỷ đồng. Tính đến hết 30/6, tổng tài sản ghi nhận 229.723 tỷ đồng, tăng 8,5% so với đầu năm. Tiền mặt ở mức 1.033 tỷ đồng, giảm 4%, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước giảm hơn 20% xuống còn 2.832 tỷ đồng, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng tăng 23% lên 52.343 tỷ đồng. Cho vay khách hàng so với đầu năm tăng 15% lên 146.783 tỷ đồng. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng ở mức 2.249 tỷ đồng, tăng 26,2%. Tổng nợ xấu ghi nhận 2.349 tỷ đồng, tăng 11,6%. Nợ xấu nhóm 3 và nhóm 4 tăng lần lượt 29% và 32% lên 445 tỷ đồng và 436 tỷ đồng. Nợ nhóm 5 tăng gần 3% lên 1.468 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu theo đó giảm từ 1,64% thời điểm đầu năm xuống còn 1,60%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng từ 84,6% lên 95,7%.

VAB: báo lãi nửa đầu năm tăng 51%, tổng tài sản giảm gần 7%

VietABank ([UPCoM: VAB](#)) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý II với thu nhập lãi thuần đạt 441,2 tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2021. Hoạt động dịch

vụ báo lãi 23 tỷ đồng, tăng 72%. Mảng kinh doanh ngoại hối lãi 2,4 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 3,5 tỷ đồng. Hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh lỗ hơn 370 triệu đồng, trong khi cùng kỳ lãi 28,1 tỷ đồng. Mua bán chứng khoán đầu tư lãi 4,6 tỷ đồng, giảm hơn 80% so với cùng kỳ. Hoạt động khác cũng ghi nhận lãi giảm 43,7% xuống còn 35,1 tỷ đồng. Quý II, ngân hàng trích lập chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ở mức 33,7 tỷ đồng, giảm 60%. Sau khi trừ đi chi phí hoạt động hơn 188 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ), ngân hàng báo lãi trước thuế 258 tỷ đồng, giảm 4,5%. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 141,4 tỷ đồng giảm 26% so với quý II/2021. VietABank cho biết lợi nhuận sau thuế quý II thấp hơn so với cùng kỳ là do quý II/2021 ghi nhận lợi nhuận cao từ hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ, bên cạnh đó cũng trong quý II/2021 ngân hàng ghi nhận lợi nhuận thuần từ xử lý bán một số tài sản nhận gán trừ nợ ở các giai đoạn trước. Ngoài ra, chi phí quản lý của quý II tăng so với cùng kỳ là do thời điểm quý II/2021 dịch bệnh Covid-19 phức tạp, ngân hàng đã tăng cường tiết giảm chi phí. Việc chi phí hoạt động tăng cũng làm giảm lợi nhuận thực hiện.

SHB báo lãi 6 tháng cao hơn 83% cùng kỳ, nợ xấu tăng

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý II của SHB ([HoSE: SHB](#)), thu nhập lãi thuần ghi nhận 4.209 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2021. Hoạt động dịch vụ báo lãi 220,9 tỷ đồng, tăng 63,5%. Hoạt động kinh doanh ngoại hối lãi 49 tỷ đồng, tăng 132%. Hoạt động khác báo lãi 246 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ 76,8 tỷ đồng. Ở hướng ngược lại, mảng mua bán chứng khoán đầu tư ghi nhận lãi giảm 88,5% so với quý II/2021 xuống còn 28 tỷ đồng. Chi phí hoạt động của ngân hàng trong quý II ở mức 945 tỷ đồng, giảm 24,5% so với cùng kỳ. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ghi nhận 1.189 tỷ đồng, giảm 46%. Kết quả, lợi nhuận trước thuế quý II đạt 2.621,4 tỷ đồng, tăng 72,2% so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 6 tháng, ngân hàng báo lãi trước thuế 5.847 tỷ đồng, tăng 83,5%, so với cùng kỳ, đạt 50% kế hoạch lợi nhuận năm. Tính đến hết 30/6, tổng tài sản ở mức 522.131 tỷ đồng, tăng 3,1% so với đầu năm. Tiền mặt tăng hơn 10% lên 2.075 tỷ đồng, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước ghi nhận 11.184 tỷ đồng giảm 22%, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng giảm 20,5% xuống 50.959 tỷ đồng. Cho vay khách hàng tăng 2,8% so với đầu năm ở mức 372.674 tỷ đồng. Tổng nợ xấu tăng 55,3% lên hơn 9.494 tỷ đồng, nợ nhóm 3 giảm 36,5% xuống còn 940 tỷ đồng. Trong khi đó nợ nhóm 4 tăng 189% lên hơn 4.628 tỷ đồng, nợ nhóm 5 tăng gần 30% lên 3.926 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,6% đầu năm lên hơn 2,5%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm từ 75,8% xuống còn 63,1%.

VTP: Lợi nhuận sau thuế giảm 9,1% trong quý II

Tổng CTCP Bưu chính Viettel ([UPCoM: VTP](#)) vừa công bố kết quả kinh doanh quý II với doanh thu thuần 5.460 tỷ đồng, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán hàng là 3.128 tỷ đồng, giảm 8,4%; doanh thu cung cấp dịch vụ là 2.332 tỷ đồng, tăng 31,3%. Biên lợi nhuận gộp kỳ này không thay đổi quá lớn so với quý trước, ở mức 3,8%. Các loại chi phí đều tăng. Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 27,1%; 180,4% và 19% và lần lượt ghi nhận ở mức 15; 15,7; 81,3 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 96,5 tỷ đồng, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 6 tháng đầu năm, đơn vị này ghi nhận doanh thu 11.232 tỷ đồng, tăng 8,52%. Lãi sau thuế cổ đông công ty

mẹ đạt 200 tỷ đồng, giảm 6,9%. Năm nay công ty lên kế hoạch doanh thu đạt 25.723 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 498,4 tỷ đồng, tăng lần lượt 19,34% và 68,4% so với năm trước. Như vậy, công ty đã hoàn thành 43,6% kế hoạch doanh thu và 40,1% kế hoạch lợi nhuận. Trên bảng cân đối kế toán, tổng tài sản của công ty biến đổi không nhiều, tăng 4,2% so với đầu năm và đạt mức 5.664 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn ở thời điểm 30/6 chiếm 89,6% tổng tài sản của công ty. Chủ yếu tài sản công ty là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn, ghi nhận lần lượt 1.844 tỷ đồng và 2.362 tỷ đồng. Tất cả các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn.

HSG: chuẩn bị phát hành gần 100 triệu cổ phiếu trả cổ tức

Tập đoàn Hoa Sen ([HoSE: HSG](#)) công bố quyết định HĐQT triển khai phương án trả cổ tức cổ phiếu niên độ tài chính 2020-2021. Cụ thể, tập đoàn sẽ phát hành 99,7 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ 20% (100 cổ phiếu cũ được nhận 20 cổ phiếu mới). Vốn doanh nghiệp sau phát hành dự kiến tăng lên 5.980 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện dự kiến trong tháng 9, trước ngày 21/9 và sau khi được UBCK chấp thuận. Niên độ tài chính 2020-2021, tương tự nhiều doanh nghiệp thép khác, Hoa Sen đạt kết quả kinh doanh khả quan với doanh thu 48.987 tỷ đồng, tăng 76% so với niên độ trước; lãi ròng gấp 3,7 lần lên 4.314 tỷ đồng. Với kết quả này, HĐQT trình và được cổ đông thông qua chia cổ tức cổ phiếu tối đa tỷ lệ 20%. Năm nay, doanh nghiệp thép lên kế hoạch doanh thu tương đương niên độ trước với 46.399 tỷ đồng nhưng lợi nhuận giảm từ 42% đến 65% theo 3 kịch bản (1.500 tỷ, 2000 tỷ và 2.500 tỷ đồng). Trải qua 9 tháng, Hoa Sen đạt 41.771 tỷ đồng doanh thu, tăng 27% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện 90% kế hoạch năm. Tuy nhiên, lợi nhuận giảm 66% xuống 1.138 tỷ đồng do biên lợi nhuận gộp không còn tốt như cùng kỳ năm trước và chi phí bán hàng tăng mạnh (chủ yếu tăng chi phí xuất khẩu).

TCH báo lãi quý đầu năm tài chính 2022 giảm 24%

Theo BCTC hợp nhất quý đầu niên độ 2022-2023 (1/4/2022 – 30/6/2022), Công ty đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy ([HoSE: TCH](#)) báo cáo doanh thu thuần giảm 42% xuống 234 tỷ đồng. Giá vốn giảm 31%, lợi nhuận gộp giảm 66% xuống 44 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 32,4% xuống 19%. Doanh thu tài chính tăng 63% lên 111 tỷ đồng, chi phí bán hàng giảm từ 16 tỷ về 5 tỷ đồng, các chi phí khác thay đổi không đáng kể. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm 24% xuống 66 tỷ đồng. TCH có 2 mảng kinh doanh chính gồm kinh doanh xe ô tô tải và bất động sản. Doanh nghiệp cho biết giá xăng dầu tăng cao cùng việc siết chặt tín dụng dẫn đến nhu cầu mua xe giảm mạnh, doanh thu bán hàng quý đầu năm tài chính 2022 giảm 49%. Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp có hiệu quả tốt, làm giảm bớt tác động tiêu cực của hoạt động mua bán xe của công ty mẹ. Tổng tài sản tính đến cuối quý I đạt 15.597 tỷ đồng, tăng thêm 928 tỷ đồng so với đầu năm. Riêng tiền và tiền gửi đạt 8.539 tỷ đồng, chiếm 54,7% tổng tài sản và giảm 142 tỷ so với đầu niên độ. Khoản phải thu giảm hơn 600 tỷ đồng xuống 1.226 tỷ đồng nhưng hàng tồn kho tăng 61,5% lên 4.290 tỷ đồng. Hàng tồn kho kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô tăng từ 224 tỷ đồng lên 433 tỷ đồng, dự phòng giảm giá 1,78 tỷ đồng; hàng tồn kho kinh doanh bất động sản tăng từ 2.414 tỷ đồng lên 3.858 tỷ đồng, chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

(riêng dự án khu đô thị mới Hoàng Huy New City phát sinh 1.379 tỷ đồng mà đầu niên độ tài chính không có). Về phần nguồn vốn, doanh nghiệp tăng đáng kể khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn từ 768 tỷ đồng lên 1.022 tỷ đồng, phần lớn là tiền tạm ứng trước theo tiến độ của khách hàng tại dự án Hoàng Huy – Sở Dầu. Vay nợ ngắn hạn tăng từ 202 tỷ đồng lên 828 tỷ đồng và vay nợ dài hạn cũng tăng từ 570 tỷ đồng lên 615 tỷ đồng.

HHS: báo lãi ròng quý II giảm 23%

CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy ([HoSE:HHS](#)) công bố BCTC hợp nhất quý II với doanh thu thuần giảm 45% xuống 82,8 tỷ đồng. Giá vốn giảm ít hơn với 44,3% xuống 73,4 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp giảm từ 18,4 tỷ đồng xuống 9,4 tỷ đồng. Doanh thu tài chính giảm 4,7% xuống 5,3 tỷ đồng. Chi phí tài chính tăng từ 1,1 triệu đồng xuống 4,7 tỷ đồng; với chi phí lãi vay gần 1,4 tỷ đồng. Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết tăng gần 5% lên 35,4 tỷ đồng. Chi phí bán hàng giảm 3,5% xuống 1,1 tỷ đồng, trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 50% lên 3,3 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ giảm 23% xuống 40,3 tỷ đồng. EPS 123 đồng, cùng kỳ 190 đồng. Lý giải về sụt giảm lợi nhuận, đơn vị cho biết các khoản đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thông qua việc nắm giữ sở hữu tại công ty liên kết có hiệu quả, làm giảm bớt tác động tiêu cực của hoạt động mua bán xe.

DXG: báo lãi ròng giảm 56% so với cùng kỳ

Tập đoàn Đất Xanh ([HoSE: DXG](#)) vừa công bố báo cáo tài chính quý II với doanh thu thuần 1.549 tỷ đồng, giảm 56,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán căn hộ và đất nền giảm 66,6% còn 775,6 tỷ đồng; doanh thu môi giới bất động sản là 557,1 tỷ đồng, giảm 21%; doanh thu từ hợp đồng xây dựng đạt 129 tỷ đồng, giảm 5%. Giá vốn hàng bán giảm 52,9% khiến biên lãi gộp giảm từ 55% về 51,2%. Doanh thu tài chính của Đất Xanh đạt 172,4 tỷ đồng, gấp 5,6 lần cùng nhờ lãi từ thanh lý các khoản đầu tư. Chi phí tài chính giảm 20,1% còn 116 tỷ đồng nhờ chi phí lãi vay giảm. Chi phí bán hàng cũng giảm 60,8% do chi phí môi giới và quảng cáo giảm trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 44%. Kết quả, Đất Xanh thu về 262 tỷ đồng lãi sau thuế, giảm 45,1% so với đầu năm. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 133,1 tỷ đồng, giảm 55,5%; EPS giảm từ 502 đồng về 221 đồng do từ tháng 9 năm ngoái đến nay công ty đã phát hành hơn 82 triệu cổ phiếu. Theo giải trình của đơn vị này, lợi nhuận quý này giảm là do các dự án mới chưa bàn giao nên chưa kịp ghi nhận doanh thu trong quý này. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Đất Xanh ghi nhận doanh thu 3.342 tỷ đồng, giảm 49% so với nửa đầu năm 2021. Doanh thu tài chính được hưởng lợi từ quý II nên cũng gấp 3,7 lần cùng kỳ, đạt 218,1 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 403,3 tỷ đồng, giảm 51,4%.

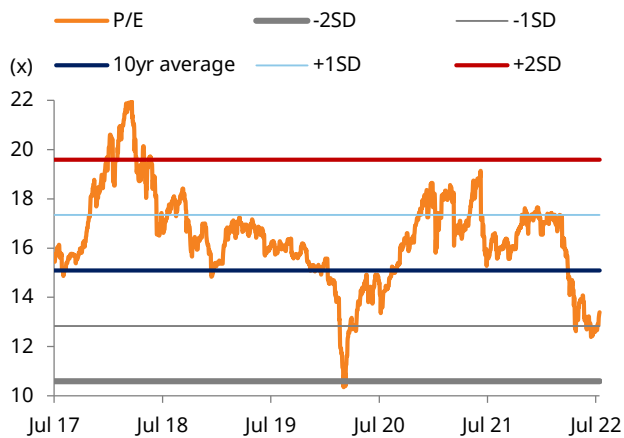
SZC: chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10%

CTCP Sonadezi Châu Đức ([HoSE: SZC](#)) thông báo ngày 1/9 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 10%, tức với mỗi cổ phiếu sở hữu cổ đông sẽ nhận được 1.000 đồng. Với số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 100 triệu cổ phiếu, dự kiến Sonadezi Châu Đức sẽ thanh toán tổng cộng 100 tỷ đồng để trả cổ tức. Sonadezi Châu Đức cũng trả mức cổ tức bằng

tiền mặt với tỷ lệ 10% cho năm 2020 và năm 2019. Năm 2018, công ty chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 8%. Sonadezi Châu Đức là đơn vị xây dựng và vận hành dự án khu công nghiệp Châu Đức quy mô hơn 1.550 ha tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng mức đầu tư hơn 8.000 tỷ đồng; đầu tư dự án BOT 768 tại tỉnh Đồng Nai với tổng mức đầu tư hơn 534 tỷ đồng; đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư Sonadezi Hữu Phước và đầu tư xây dựng dự án sân Golf Châu Đức có tổng diện tích 152 ha với tổng mức đầu tư hơn 1.264 tỷ đồng. Năm 2023, công ty dự kiến hoàn thành hạ tầng khu dân cư Sonadezi Hữu Phước, còn sân golf đang trong quá trình xây dựng và dự kiến hoàn thành năm 2025. Năm 2022, công ty đặt kế hoạch doanh thu đạt 774,7 tỷ đồng, tăng 6% so với kế hoạch năm 2021. Tuy nhiên, mục tiêu lợi nhuận sau thuế sụt giảm 43% so với năm ngoái, xuống 184 tỷ đồng.

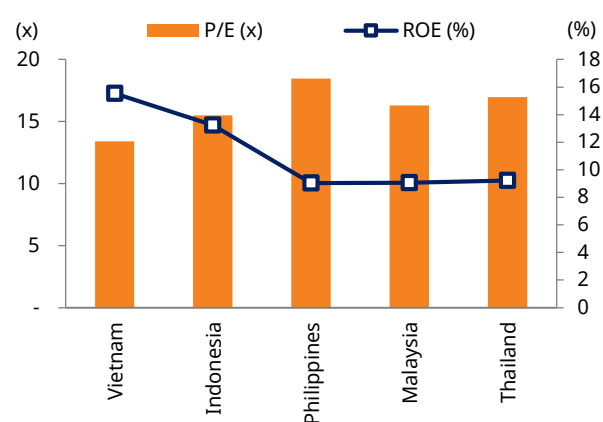
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



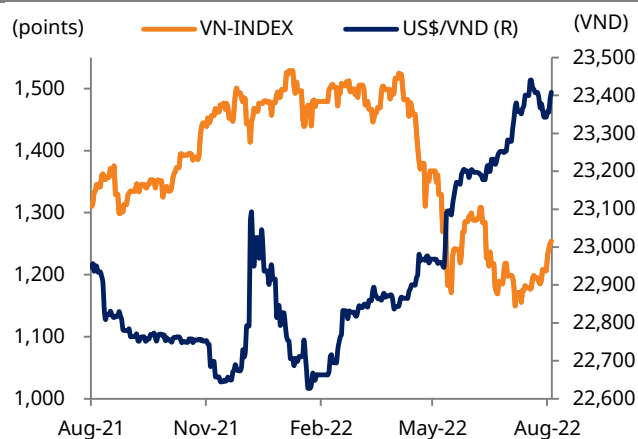
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



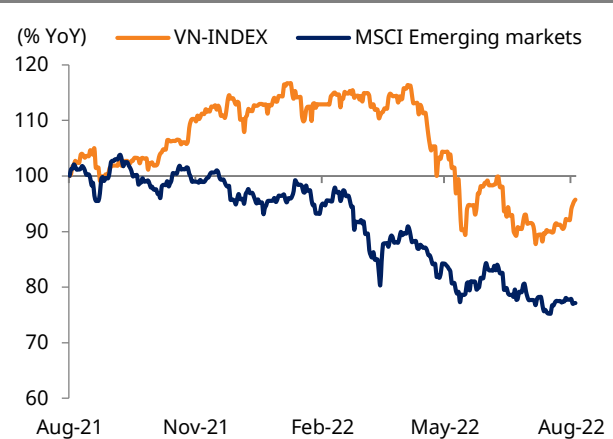
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



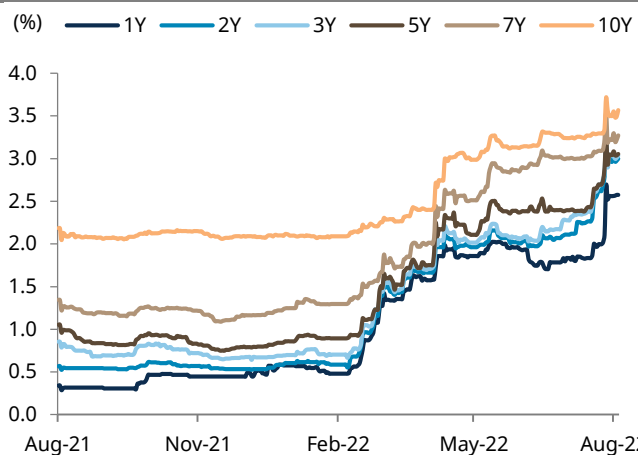
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



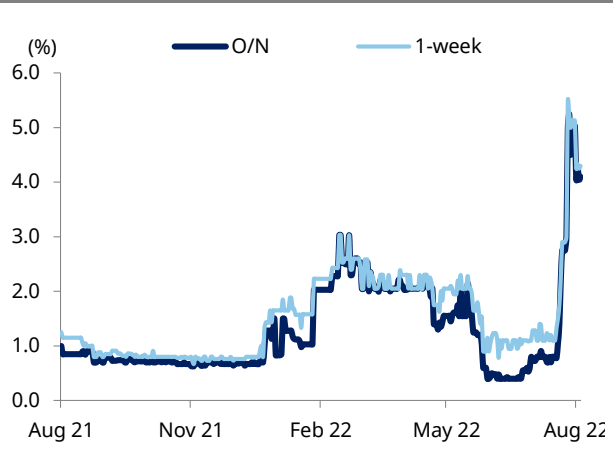
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,254.15	4,966,275		0.4	4.0	4.9	-6.0	14.5	12.0	2.2	2.0	35.3	21.2	15.5	19.2
VN30 Index	VN30	1,277.73	3,458,857		0.6	3.7	2.4	-13.2	12.0	10.7	2.3	1.9	38.5	12.4	19.6	20.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	25,000	84,436	30.0	0.2	1.6	3.1	-12.0	8.9	6.8	1.9	1.5	24.6	31.0	23.5	24.9
BIDV	BID VN	39,300	198,800	16.9	0.0	5.4	12.1	14.9	22.7	14.9	2.4	2.1	50.3	52.4	11.0	15.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	58,400	43,352	26.6	0.0	1.0	8.8	8.6	22.9	18.2	2.0	1.9	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	28,850	138,646	26.7	-0.9	6.1	8.5	-15.1	9.8	7.4	1.5	1.2	18.2	32.8	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	86,100	94,454	49.0	1.5	3.1	-0.7	8.1	23.8	17.8	5.2	4.5	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	109,000	208,621	3.0	-2.7	1.4	0.4	16.0	25.0	15.0	4.1	3.6	8.1	66.3	16.8	24.2
Vietnam Rubber Group	GVR VN	24,600	98,400	0.4	-0.4	2.9	9.8	-26.5	23.7	20.2	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	24,900	50,104	17.1	0.2	3.1	1.4	-11.2	8.2	6.9	1.7	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,650	137,520	20.3	-0.4	10.0	7.5	-35.3	4.3	4.8	1.5	1.2	151.5	-10.6	42.8	28.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	39,000	27,956	32.0	0.1	4.0	8.9	5.7	23.9	20.0	2.7	2.4	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	26,950	101,826	23.2	0.2	5.1	9.6	-9.3	8.0	6.6	1.7	1.3	53.0	22.4	23.6	23.8
Masan Group Corp	MSN VN	107,900	153,620	28.9	-1.9	1.7	0.2	-4.8	17.8	24.8	4.7	3.9	589.7	-28.1	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	62,700	91,775	49.0	1.5	2.8	-7.5	10.6	18.2	14.8	4.4	3.5	18.2	22.6	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	78,500	153,062	5.7	3.0	5.4	6.1	-4.3	43.2	29.7	4.3	3.8	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	54,000	36,269	2.5	0.4	2.7	4.7	-21.5	20.1	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	42,100	53,492	17.6	2.9	2.4	4.3	-19.5	23.5	19.6	2.1	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	26,100	55,010	20.5	-0.4	-1.9	7.4	-14.8	8.7	6.7	2.3	1.6	39.0	28.7	29.9	28.1
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,600	31,849	2.3	-0.7	1.9	0.7	25.3	18.0	15.8	1.1	1.0	-24.2	13.7	6.2	6.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	185,000	118,637	62.8	-2.6	2.8	20.5	17.6	33.6	26.8	5.6	5.0	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	23,550	35,093	23.8	0.0	10.3	16.6	-33.2	9.7	8.9	1.7	1.4	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	25,200	47,507	22.5	-1.0	2.0	12.8	-17.8	15.5	14.4	1.4	1.2	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	38,400	134,819	22.5	0.7	1.3	5.6	-26.2	7.5	6.3	1.5	1.2	46.1	19.4	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	28,800	45,555	30.0	2.9	8.3	5.5	10.8	8.9	12.5	1.8	1.4	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	82,500	390,433	23.5	3.8	10.4	11.3	6.9	19.7	14.7	3.6	2.8	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	63,000	274,325	23.2	1.8	5.2	3.3	-25.9	7.0	8.8	2.2	1.8	40.9	-20.5	36.9	22.4
Vingroup JSC	VIC VN	66,400	253,245	12.2	0.6	3.8	-8.7	-34.5	#N/A	269.9	2.5	2.5	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	129,200	69,976	16.8	1.7	2.8	-0.3	11.2	929.5	46.2	4.2	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	73,300	153,194	54.7	-0.1	0.7	-2.4	-15.8	16.2	16.9	4.6	4.5	-5.3	-4.2	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	29,400	130,697	17.6	1.4	2.4	0.7	-12.5	11.1	6.8	1.7	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,000	65,897	32.0	-0.2	3.6	1.8	3.9	50.2	29.7	2.2	2.0	-44.8	69.2	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.